HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

VỀ

TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN NGƯỜI

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (sau đây được gọi là "hai Bên");

Ý thức được hiệu quả hợp tác song phương trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống nạn buôn bán người;

Nhằm tăng cường hợp tác thực thi pháp luật giữa hai nước, phòng ngừa, ngăn chặn, trừng trị hiệu quả các hoạt động phạm tội buôn bán người qua biên giới và bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

Căn cứ vào pháp luật của mỗi Bên và các điều ước quốc tế cùng tham gia, hai Bên triển khai hợp tác trên các phương diện sau:

1. Phòng ngừa tội phạm buôn bán người liên quan đến hai nước và bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân.

2. Cùng đấu tranh chống hoạt động phạm tội buôn bán người liên quan đến hai nước, chuyển giao người có hành vi phạm tội, đưa nạn nhân hồi hương.

3. Xây dựng các tiêu chí xác định nạn nhân bị buôn bán qua biên giới có liên quan đến hai nước, kịp thời xác định nạn nhân bị buôn bán;

4. Triển khai các hoạt động đào tạo chung trong lĩnh vực điều tra các vụ án buôn bán người xuyên quốc gia và bảo vệ nạn nhân;

5. Trao đổi thông tin về các vụ án buôn bán người qua biên giới, các quy định pháp luật có liên quan;

6. Xây dựng cơ chế liên lạc tại biên giới để tăng cường trao đổi và hợp tác về đấu tranh chống buôn bán người xuyên quốc gia giữa hai nước.

Điều 2

Hai Bên cần áp dụng những biện pháp thích hợp nhằm bảo vệ an toàn cho nạn nhân bị buôn bán, cụ thể:

1. Hai Bên không xử lý đối với hành vi xuất nhập cảnh bất hợp pháp của nạn nhân bị buôn bán hoặc các hành vi bất hợp pháp khác do việc bị buôn bán dẫn đến.

2. Sau khi xác minh nhân thân nạn nhân bị buôn bán, cần đưa nạn nhân hồi hương kịp thời qua con đường chính quy.

3. Hai Bên bảo vệ an toàn và bí mật cho nạn nhân bị buôn bán và có sự hỗ trợ bảo vệ thích hợp cho nạn nhân, bao gồm chỗ ăn, ở trong quá trình trung chuyển, hỗ trợ thích hợp về pháp luật, phục hồi sức khỏe, tư vấn tâm lý.

4. Trong quá trình xác định, hỗ trợ tạm thời, hồi hương và thực hiện thủ tục pháp lý, nạn nhân được đối xử nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm.

5. Nạn nhân là người chưa thành niên phải được chăm sóc một cách đặc biệt trong việc bảo vệ, hồi hương, thực hiện thủ tục pháp lý và luôn luôn cân nhắc đến lợi ích tốt nhất của họ.

Điều 3

Hai Bên cam kết hợp tác nhằm đảm bảo hồi hương an toàn và nhanh chóng cho nạn nhân:

1. Một Bên sẽ thông báo trước cho Bên kia về tên, tuổi và các thông tin liên quan của nạn nhân thông qua đường ngoại giao hoặc hợp tác của Công an để hai Bên trao đổi, phối hợp thu xếp hồi hương.

2. Hai Bên cần căn cứ vào trình tự mà hai Bên đã thống nhất, đơn giản hóa trình tự hồi hương để quá trình hồi hương được thông suốt, trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi nhận được yêu cầu của phía Bên kia, phải hoàn thành việc xác minh nhân thân và quốc tịch của nạn nhân bị buôn bán và đảm bảo hồi hương kịp thời, an toàn cho nạn nhân.

3. Bên chuyển giao nạn nhân phải thông báo cho Bên tiếp nhận trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc. Trao trả tại cửa khẩu do Chính phủ hai Bên thỏa thuận mở. Cán bộ có thẩm quyền của hai Bên ký biên bản giao nhận nạn nhân.

4. Hai Bên sẽ xác định cơ quan đầu mối xác minh, tiếp nhận nạn nhân và thông báo cho nhau bằng văn bản.

Điều 4

Cơ quan chủ trì thực hiện Hiệp định này là Bộ Công an nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công an nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Cơ quan thực hiện của hai Bên mỗi năm gặp gỡ một lần, tổ chức luân phiên tại hai nước, để trao đổi hợp tác liên quan đến phòng, chống buôn bán người. Trong trường hợp khẩn cấp, hai Bên có thể bàn bạc để xác định thời gian và địa điểm gặp gỡ lâm thời.

Chi phí đi lại quốc tế của các đoàn đại biểu được mời theo Hiệp định này sẽ do Bên được mời chi trả, chi phí tại nước đến sẽ do Bên mời chi trả, trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận riêng.

Điều 5

Các thông tin nghiệp vụ được trao đổi giữa hai Bên phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc bảo mật. Khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên cung cấp thông tin, Bên nhận tin không được công bố ra bên ngoài hoặc tiết lộ cho Bên thứ 3.

Điều 6

Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của hai Bên trong việc thực hiện các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia.

Điều 7

Những tranh chấp nảy sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định, hai Bên cần giải quyết thông qua thỏa thuận trên tinh thần hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau.

Sau khi hai Bên đã thỏa thuận và đồng ý có thể tiến hành bổ sung, sửa đổi Hiệp định này

Điều 8

Khi một Bên căn cứ vào Hiệp định này đưa ra yêu cầu phối hợp giúp đỡ của phía Bên kia, nếu Bên được yêu cầu cho rằng việc thực hiện yêu cầu của Bên kia có thể ảnh hưởng đến nguyên tắc cơ bản về chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng, các lợi ích cơ bản hoặc pháp luật của Bên được yêu cầu thì có thể từ chối phối hợp, giúp đỡ và thông báo cho Bên yêu cầu lý do từ chối

Điều 9

Sau khi hai Bên hoàn thành thủ tục pháp lý của mỗi Bên sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên kia qua đường ngoại giao.

Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày nhận được bản thông báo thứ hai.

Bất cứ Bên nào cũng có thể thông báo cho Bên kia bằng văn bản việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định vào bất kỳ thời gian nào.

Hiệp định này sẽ hết hiệu lực sau 03 (ba) tháng kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của phía Bên kia.

Hiệp định này được ký tại Bắc Kinh ngày 15 tháng 9 năm 2010, được lập thành 2 bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Anh, các văn bản này có giá trị pháp lý như nhau. Nếu có bất đồng về việc giải thích văn bản thì bản tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Lê Hồng Anh

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CHND TRUNG HOA
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Mạnh Kiến Trụ

越南社会主义共和国政府
和中华人民共和国政府
关于加强预防和打击拐卖人口合作的协定

越南社会主义共和国政府和中华人民共和国政府（以下简称双方），

认识到在预防、发现和打击拐卖人口双边合作的效果；

在相互尊重两国的独立、主权和平等的基础上，为加强两国执法合作，更有效地预防、制止和惩治跨国拐卖人口的犯罪活动，并给予拐卖受害人必要的保护和救助；

达成协议如下：

第一条

双方应遵照各自国内的法律和共同参加的国际条约，在以下方面开展合作：

（一）预防涉及两国的拐卖人口犯罪和保护、救助拐卖受害者；

（二）共同打击涉及两国的拐卖人口犯罪活动，移交犯罪嫌疑人，遣返拐卖受害者；

（三）制定涉及两国的跨国拐卖受害者认定标准，及时认定拐卖受害者；

（四）开展跨国拐卖人口犯罪案件调查和拐卖受害者保护领域的联合培训；

（五）交流跨国拐卖人口犯罪案件信息以及相关法律法规；

（六）建立边境打拐联络机制，加强两国边境地区打击跨国拐卖犯罪的沟通与合作。

第二条

双方应采取适当措施保护拐卖受害者的人身安全。

（一）双方不对拐卖受害者非法入（出）该国境的行为或者因被拐卖直接导致的其他违法行为予以惩罚；

（二）拐卖受害者的身份一经确认后，应该按正规途径及时遣返；

（三）双方保护拐卖受害者的安全和隐私，并为其提供适当的协助和保护，包括提供中转安置场所、法律援助、身体康复、心理咨询；

（四）在认定、临时援助、遣返以及司法程序过程中，受害者将受到人道和有尊严的待遇；

（五）如受害者为未成年人，应在保护、遣返和司法程序过程中对其给予特殊关照，并始终考虑到未成年人的最大利益。

第三条

双方将合作确保拐卖受害者被安全、及时遣返。

（一）一方应事先通过外交或警务合作渠道向另一方通报受害者的姓名以及相关信息，以便双方协商安排遣返；

（二）双方应该按照双方同意的程序，简化遣返程序，畅通遣返渠道，在接到对方核查请求后的30天内完成对拐卖受害者国籍、身份核查，确保拐卖受害者被安全、及时遣返。

（三）移交受害人应提前5个工作日通知接收方。移交在双方政府确定的开放口岸进行，双方的有关官员应签署交接书。

（四）双方将确定各自核查和接收受害人的主管部门，并书面通知对方。

第四条

本协定主管部门分别为越南社会主义共和国公安部和中华人民共和国公安部。双方主管部门每年会晤一次，在两国轮流举行，以协商打拐合作有关事宜。如遇紧急情况，双方可另行协商确定临时会晤时间和地点。

根据本协定互派代表团（组）往返的国际旅费，由派遣方负担；在接受国停留所需费用，由接待一方负担，但双方事先另有协议的除外。

第五条

双方间的情报交流必须严格遵循保密原则。未经提供方书面同意，接收方不得对外公布或透露给第三方。

第六条

本协定不影响双方根据各自缔结或者参加的其他国际条约所享有的权利和承担的义务。

第七条

在执行本协定过程中产生的争议，双方应本着友好和相互理解的精神，通过协商解决。

经双方协商同意，可对本协定进行补充和修改。

第八条

当一方根据本协定向另一方提出协助请求时，如被请求方

认为执行对方的请求可能损害其主权、安全、公共秩序、基本利益或法律的基本原则，可以拒绝提供此项协助，并应将拒绝的理由通知请求方。

第九条

本协定在双方完成各自法律程序后，应当通过外交途径书面通知对方。本协定自第二份通知收到后生效。任何一方可以通过书面通知另一方而终止本协定。本协定将于另一方收到该通知之日起三个月后失效。

本协定于 2010 年 9 月 15 日在北京签订，一式两份，每份都用中文、越文和英文写成，三种文本同等作准。如对文本的解释产生分歧，以英文文本为准。

越南社会主义共和国政府代表
公安部部长

黎鸿英

中华人民共和国政府代表
公安部部长

孟建柱

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

ON STRENGTHENING COOPERATION ON

PREVENTING AND COMBATING HUMAN TRAFFICKING

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the People's Republic of China (hereinafter referred to as "the two parties"),

Recognizing the effect of bilateral cooperation on preventing, identifying and combating human trafficking,

On the basis of mutual respect for each other's independence, sovereignty and equality, in order to step up bilateral cooperation on law enforcement, more effectively prevent, stop and punish criminal activities of transnational human trafficking, and provide necessary protection and assistance for trafficking victims,

Have reached agreement as follows:

Article One

The two parties shall cooperate in the following areas in accordance with their respective domestic laws and international treaties to which they both are parties:

A.Prevent crimes of human trafficking related with the two countries, protect and rescue the victims;

B. Jointly crack down on criminal activities of human trafficking related with the two countries, transfer criminal suspects and repatriate victims;

C. Formulate criteria for identifying victims of transnational human trafficking related with the two countries and timely identify the victims;

D. Carry out investigations on criminal cases of transnational human trafficking and joint training in the area of trafficking victim protection;

E. Exchange information concerning criminal cases of transnational human trafficking and related laws and regulations;

F. Establish cross-border anti-trafficking liaison mechanism to strengthen communication and cooperation on combating transnational human trafficking in the border areas of the two countries.

Article Two

The two parties shall take appropriate measures to protect the personal safety of trafficking victims.

A. The two parties shall not punish acts of victims illegally entering (exiting) their national territories or other illegal acts as an immediate result of being trafficked;

B.Any victim, as soon as his/her identity is confirmed, should be timely repatriated through official channels;

C. The two parties shall protect the victims' safety and privacy, provide them with appropriate assistance and protection, including accommodation on the way of transfer, legal assistance; physical rehabilitation and psychological consultation;

D. The victims should be accorded with humanitarian treatment and dignity in the process of identification, provisional assistance, repatriation and legal procedures;

E. In case of victims under age, they should be accorded with special care in the process of protection, repatriation and legal procedures, with their interests as juveniles taken into consideration to the greatest extent.

Article Three

The two parties shall cooperate to ensure the victims' safe and timely repatriation.

A. One party shall notify the other through diplomatic or police cooperation channels the names of victims and related information, so that the two parties can discuss and arrange repatriation;

B. The two parties shall, in keeping with their agreed procedures, simplify the repatriation procedures with unimpeded repatriation channels and complete the work on identifying the victims' nationality and verifying their identities

within thirty days as from the date of receiving request from the other party, so as to ensure the victims' safe and timely repatriation.

C. The receiving party shall be notified about the transfer of victims five working days in advance. The transfer should be conducted at open ports as specified by the two governments and officials concerned of the two parties should sign the transfer document.

D. The two parties shall designate their respective competent authorities for verifying and receiving the victims and notify each other about the designations by writing.

Article Four

The competent authorities as stipulated in this Agreement are respectively the Ministry of Public Security of the Socialist Republic of Viet Nam and the Ministry of Public Security of the People's Republic of China. The competent authorities of the two countries shall meet once every year by rotation to discuss matters related to collaboratively combating human trafficking. In case of an emergency, the two parties may decide through consultations a provisional time and spot for their meeting.

The international round-trip travel expenses by a delegation (group) dispatched in accordance with this Agreement shall be borne by the dispatching party and their expenses during the stay in the receiving party shall be borne by the receiving party, except otherwise agreed in advance.

Article Five

The information exchanged between the two parties must be kept strictly confidential. Without the written agreement of the providing party, the receiving party must not make it public or disclose it to a third party.

Article Six

This Agreement shall not affect the respective rights and obligations of the two countries under other international treaties which they have concluded or acceded to.

Article Seven

Any dispute arising in the course of implementing this Agreement shall be settled through consultations between the two parties in the spirit of friendship and mutual understanding.

This Agreement may be supplemented or amended with the agreement of the two parties through consultations.

Article Eight

When one party submits a request to the other party in accordance with this Agreement and if the requested party considers that implementation of the other party's request may undermine its own sovereignty, security, public order, basic interests or basic principles of law, it may refuse to provide such an assistance and should notify the other party about the reason for refusal.

Article Nine

The two parties shall notify each other through diplomatic channels about the completion of their legal procedures on the Agreement. The present Agreement shall come into force after the second notification is received. Either party may notify the other party in written form about the termination of this Agreement, which will cease to be effective three months after the other party receives such a notification.

Done in duplicate on 15th September, 2010 at Beijing in China in the Chinese, Vietnamese and English languages, all texts being equally authentic. In case of any disagreement regarding interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA
General Le Hong Anh Minister of Public Security	Meng Jian Zhu Minister of Public Security